TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Thiện Phong

2. Ông Lâm Thái Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 8 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T Sáu trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 2008. Hiện nay cháu D đã trưởng thành còn cháu N đang sống cùng anh T. Về tài sản chung, chị và anh T tự thoả thuận. Về nợ chung không có.

Quá trình chung sống, chị và anh T thường xuyên cự cãi khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đồng thời, chị và anh T cũng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Vì vậy, nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung, chị đồng ý giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung, chị và anh T tự thoả thuận. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Thanh T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh T để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp anh T nên Tòa án không có lời khai của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chị T và anh T không phải là vợ chồng. Về con chung, giao cháu N cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung không có và không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Cẩm T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Khi khởi kiện, anh T có địa chỉ tại ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và anh Nguyễn Thanh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Vào năm 2002 chị T và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, chỉ có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là hôn nhân không hợp pháp. Chị T cho rằng, trong quá trình chung sống, chị và anh T thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đồng thời, chị T và anh T cũng đã sống ly thân từ năm 2020 mà không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã

nhiều lần triệu tập anh T để hòa giải, xét xử nhưng anh T có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Xét thấy, do chị T và anh T không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *" Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản… được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình"*. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị T và anh T là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T xác định, chị và anh T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 2008. Hiện nay cháu D đã trưởng thành còn cháu N đang sống cùng anh T. Do cháu D đã trưởng thành nên chị T không đặt ra yêu cầu. Riêng cháu N thì chị T đồng ý giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện sống cho con chưa thành niên. Hiện nay, cháu N đang sống cùng anh T, cháu N đang sống ổn định và phát triển bình thường. Toà án có tiến hành đến nhà để ghi nhận nguyện vọng của cháu N. Tuy nhiên, cháu N không có mặt ở nhà nên Toà án không ghi nhận được nguyện vọng của cháu. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Bảo N cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Chị Nguyễn Thị Cẩm T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung: Chị T xác định chị và anh T sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do chị T và anh T đều không đặt ra tranh chấp phần tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp, sau này chị T và anh T không thỏa thuận được với nhau về phần tài sản chung thì chị T và anh T được quyền khởi kiện ở vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị T phải nộp 300.000 đồng. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010745 ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 53, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a

khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2008 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Cẩm T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010745 ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí.

Các Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu